

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG NỀN KINH TẾ SỐ TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG QUY*
VŨ THỊ THU HÀNG**

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ tại Việt Nam hiện nay, vấn đề quyền riêng tư cũng đang nổi lên trở thành mối quan ngại ngày càng sâu rộng trong nền kinh tế số. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi vai trò của Nhà nước trong thiết lập hành lang pháp lý quản lý quyền riêng tư trên các nền kinh tế số đối với tất cả các bên, bao gồm người dùng cuối, các nhà cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp nền tảng và các bên liên quan khác. Bài viết đề xuất các nguyên tắc quản lý quyền riêng tư, đồng thời, đưa ra một số giải pháp quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số tại Việt Nam.

Từ khóa: Quyền riêng tư; môi trường số; nền kinh tế số; quản lý quyền riêng tư; chính sách quyền riêng tư.

Within the contemporary landscape of Vietnam's digital transformation, privacy has ascended as a prominent apprehension within the digital economy. Effectively mitigating this concern necessitates governmental intervention to institute legal frameworks tailored towards overseeing privacy rights across all stakeholders encompassing end-users, service providers, platform operators, and pertinent entities. This discourse not only advances fundamental principles underpinning privacy management but also proffers holistic strategies tailored towards the regulation of privacy within Vietnam's digital economy.

Keywords: Privacy; digital environment; digital economy; privacy management; privacy policies.

NGÀY NHẬN: 17/3/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 25/4/2024

NGÀY DUYỆT: 18/5/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.340.2024.867>

1. Mở đầu

Trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số đã trở thành xu hướng tất yếu của thế giới và Việt Nam nói riêng. Hòa mình cùng cách mạng công nghiệp 4.0, trong những năm gần đây, kinh tế số Việt Nam đã phát triển không ngừng về cả nền tảng hạ tầng lẫn thị trường, đóng góp ngày càng lớn vào GDP quốc gia. Như một hệ quả

tất yếu, việc thu thập và sử dụng dữ liệu số trở nên không thể thiếu đối với các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế số.

Bên cạnh những lợi ích mang lại, việc thu thập, sử dụng và xử lý bất cẩn hay lạm dụng dữ liệu cá nhân của các nền tảng trực tuyến

* TS, Học viện Hành chính Quốc gia

** TS, Trường Đại học Lao động - Xã hội

cũng đồng thời tạo ra mối đe dọa đối với quyền riêng tư cá nhân của người dùng - khách hàng.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau về quyền riêng tư trong nền kinh tế số được thực hiện, tuy nhiên, các nghiên cứu đào sâu về quản lý để bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số vẫn còn rất hạn chế, đặc biệt tại Việt Nam. Để triển khai nghiên cứu, phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng trước tiên, từ nhiều nguồn khác nhau, như: sách, báo, các văn bản pháp luật, các báo cáo, các đề tài nghiên cứu trong và ngoài nước về các chủ đề liên quan tới quyền riêng tư và quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số. Đồng thời, phương pháp phỏng vấn chuyên gia, là các chuyên gia kinh tế số, được triển khai nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu và khai thác tốt hơn các quan điểm mới, các kiến thức, hiểu biết của chuyên gia được làm rõ trong bài viết này.

2. Cơ sở lý luận về quyền riêng tư trong nền kinh tế số

a. Định nghĩa và bản chất quyền riêng tư

Học giả Warren và Brandeis (1890) là những người đầu tiên nghiên cứu và định nghĩa về quyền riêng tư, theo đó quyền riêng tư là “quyền được yên” hay “quyền được ở một mình” hoặc cũng có thể hiểu là “là quyền của cá nhân quyết định về bản thân mình”. Solove (2002) đề xuất danh mục 6 nội dung, bao hàm quyền riêng tư là: quyền một mình, truy cập cá nhân giới hạn, bí mật, kiểm soát thông tin cá nhân, tính cá nhân và mức độ thân mật. Hiện nay, quyền riêng tư được tiếp cận theo quan điểm đa chiều và được nghiên cứu rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Về bản chất, quyền riêng tư là sự bảo đảm quyền được bảo vệ của con người, nhằm tránh tình trạng các thông tin, sự thật, suy nghĩ, cảm xúc riêng tư... của cá nhân bị tiết lộ, công khai ngoài ý muốn (Wang và cộng sự, 2021; Lê Vũ Văn Anh, 2022).

Trong xu thế vận động của nhân loại, khi những thay đổi về chính trị, xã hội và kinh tế xảy ra, luật pháp phải phát triển và tạo ra các

quyền mới để “đáp ứng nhu cầu của xã hội” và bảo đảm cho con người cùng tài sản được bảo vệ một cách đầy đủ (Warren và Brandeis, 1980). Quyền riêng tư cần được công nhận như một quyền bảo đảm cho con người được bảo vệ khỏi những xâm phạm không chỉ về tài sản mà cả về cảm xúc trên không gian mạng (Posner, 1978).

b. Quyền riêng tư trong môi trường số

“Môi trường số” thường được định nghĩa là sự kết hợp giữa môi trường vật lý và môi trường kỹ thuật số, nơi con người, các thiết bị và các hệ thống thông tin tương tác với nhau (Frömming và cộng sự, 2017). Các công nghệ kỹ thuật số tạo ra hình ảnh đại diện hay danh tính số của mỗi cá nhân trong không gian ảo. Với sự phát triển của nền kinh tế số, hình ảnh đại diện này, xuất phát điểm ban đầu là một tập hợp dữ liệu cá nhân đã phát triển thành một phần của bản thân cá nhân - thường gọi là “cái tôi ảo” (Karahanna và cộng sự, 2018).

Trong môi trường số, các cá nhân tương tác với nhau trong bối cảnh cộng đồng trực tuyến, thương mại điện tử, dịch vụ trực tuyến và mạng xã hội trực tuyến bằng danh tính kỹ thuật số của họ. Những tương tác xã hội trực tuyến này làm mờ ranh giới tự nhiên cho phép các cá nhân kiểm soát danh tính kỹ thuật số của mình và duy trì cái tôi ảo cá nhân. Từ đó, xuất hiện nhu cầu quản lý ranh giới cá nhân hiệu quả nhằm phân định ranh giới giữa chính bản thân cá nhân với môi trường xã hội số, nhằm thiết lập và duy trì danh tính cá nhân và bảo đảm tính cá nhân nguyên vẹn.

Vì quản lý dữ liệu cá nhân cũng là một loại tương tác xã hội mà chủ yếu là tương tác giữa chủ sở hữu nền tảng (tức các nhà cung cấp dịch vụ) và người dùng. Các mối quan tâm về quyền riêng tư liên quan đến việc bảo tồn không gian cá nhân và do đó cũng liên quan đến quản lý ranh giới cá nhân. Các nền tảng số cũng thường cho phép người dùng quản lý ranh giới cá nhân thông qua các tùy chỉnh thiết kế và triển khai các công cụ kỹ thuật quản lý và ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền riêng tư.

c. Khung lý thuyết quản trị quyền riêng tư trong môi trường số

Dựa vào việc phân tích của Wang và cộng sự (2021), bảo đảm quyền riêng tư là quá trình quản lý ranh giới cá nhân (R1) thông qua quản lý tương tác và quản lý giao diện. Quản lý tương tác nhằm kiểm soát truyền thông và bảo vệ tài sản ảo; trong khi quản lý giao diện bao gồm kiểm soát thông tin cá nhân và tâm lý độc lập. Thiếu kiểm soát trong quản lý ranh giới cá nhân sẽ khiến phát sinh các hành vi vi phạm quyền riêng tư, tạo ra những lo ngại về quyền riêng tư (R2) của người dùng khi tương tác, dẫn đến các hành vi đối phó với quyền riêng tư (R3), như khai báo thông tin gian dối, không đầy đủ. Các hành vi đối phó này khác nhau tùy thuộc vào môi trường xã hội hoặc môi trường kỹ thuật và bị hạn chế bởi các công cụ kỹ thuật mà nền tảng cung cấp. Các công cụ kỹ thuật này của nền tảng cho phép (hoặc gây nguy hiểm) thực thi quản lý ranh giới cá nhân (R4) thông qua các chức năng hỗ trợ như quản lý hồ sơ trực tuyến, trò chuyện trực tuyến, nhận xét. Đồng thời, quản lý dữ liệu cá nhân của nền tảng cho phép kiểm soát thông tin cá nhân của người dùng (R5). Cụ thể, các hoạt động quản lý dữ liệu cá nhân của nền tảng, như thu thập dữ liệu, sử dụng thứ cấp, kiểm soát quyền truy cập và tính minh bạch của chính sách, ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát đối với thông tin cá nhân. Thực tiễn quản lý dữ liệu cá nhân của nền tảng bị chi phối bởi các công cụ kỹ thuật của nền tảng (R6) thông qua các thiết kế chức năng, bao gồm các dịch vụ được cá nhân hóa, chức năng tương tác xã hội, mức độ bảo mật công nghệ thông tin và các thuật toán bảo mật.

Các cá nhân cân cân bằng giữa lợi ích thu được từ việc sử dụng các công cụ kỹ thuật và quyền riêng tư (R7), vì các tiện ích mà dịch vụ kỹ thuật số mang lại đều đi kèm với các rủi ro. Chính sách nền tảng cung cấp thông tin cơ sở cho việc thiết kế các công cụ kỹ thuật của nền tảng (R8). Chính sách này bị chi phối bởi các quy định (R9), tuy nhiên, các nền tảng điều chỉnh cài đặt chính sách để bảo đảm cân bằng giữa quy định và lợi ích kinh doanh. Do đó, để

bảo đảm quyền riêng tư trong môi trường số, các quy định cần phải chặt chẽ nhằm bảo vệ quyền riêng tư một cách toàn diện. Các nền tảng cũng nên có chính sách rõ ràng, công khai về bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số của người dùng, đồng thời phục vụ tốt cho việc triển khai các chức năng kỹ thuật.

d. Quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số

Các nhà kinh tế từ lâu đã quan tâm đến việc tìm hiểu giá trị kinh tế và hậu quả của việc tiết lộ thông tin cá nhân cũng như quá trình quyết định chia sẻ dữ liệu cá nhân. Việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh, đồng nghĩa với việc đem lại các lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp.

Nền kinh tế số là một khái niệm mô tả sự chuyển đổi của hoạt động kinh tế thông qua việc sử dụng công nghệ số và các phương tiện kỹ thuật số, bao gồm việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để cải thiện các quy trình sản xuất, giao tiếp, tiếp thị và giao dịch trong một nền kinh tế (Wang và cộng sự, 2021). Nền kinh tế số liên quan đến việc sử dụng internet, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), máy học và các công nghệ mới để tạo ra giá trị kinh tế. Các hoạt động kinh doanh và tài chính thường được chuyển từ mô hình truyền thống sang các mô hình dựa trên nền tảng kỹ thuật số. Nền kinh tế số cũng mô tả sự lan rộng của các ngành công nghiệp mới, từ dịch vụ trực tuyến đến nền tảng giao dịch điện tử, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao và sự thay đổi trong cách tiếp cận, tiếp thị và tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ.

Giải quyết các vấn đề về quyền riêng tư trong nền kinh tế số cần tập trung vào việc quản lý và điều chỉnh các nền tảng đóng vai trò là giao diện cho dữ liệu cá nhân và tương tác xã hội trong môi trường số. Các nền tảng này (ví dụ: thương mại điện tử, dịch vụ mạng xã hội và dịch vụ tài chính trực tuyến) phải giải quyết các vấn đề về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời điều phối môi trường kỹ thuật phục vụ hoạt động tương tác trực tuyến để giảm thiểu những

lo ngại về quyền riêng tư. Các nền tảng kỹ thuật số nổi lên cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng kỹ thuật số và đã thâm nhập vào nhiều ngành, bao gồm thương mại điện tử, dịch vụ mạng xã hội, vận tải, dịch vụ tài chính, y tế, giáo dục và quản lý sản xuất công nghiệp (Hoàng Sỹ Tương và cộng sự, 2023).

Tài nguyên ranh giới đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết căng thẳng nghịch lý giữa nhu cầu của chủ sở hữu nền tảng về bảo đảm quyền kiểm soát đối với cả cơ sở hạ tầng và hệ thống dịch vụ và sự cần thiết phải cho phép các công ty độc lập tham gia tự do, được trao quyền trong hệ sinh thái nền tảng. Các nền tảng kỹ thuật số đóng vai trò là giao diện giữa các bên liên quan của nền tảng và quản lý các mối quan hệ phức tạp giữa họ, bao gồm cả các vấn đề về quyền riêng tư trong các giao dịch dịch vụ. Các bên liên quan của một nền tảng số đóng vai trò khác nhau, và có những yêu cầu khác nhau về quyền riêng tư trong môi trường số. Người dùng cuối chọn và sử dụng các ứng dụng theo nhận thức về giá trị của mình; và có thể gặp phải hoặc nhận thức được các hành vi vi phạm quyền riêng tư và có ý thức hoặc vô thức đánh đổi giữa việc sử dụng và quyền riêng tư của mình.

Trước nhu cầu và đòi hỏi được bảo vệ quyền riêng tư từ người dùng, các nhà phát triển cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho người dùng cuối, bên cạnh nỗ lực đáp ứng, đồng thời phải cân bằng được các mục tiêu tài chính. Họ có thể tùy chỉnh dịch vụ, sản phẩm của mình để tận dụng quyền truy cập thông tin cá nhân và có thể tìm kiếm cơ hội để khai thác quyền truy cập thông tin cá nhân. Tương tác của họ với người dùng cuối được kiểm duyệt bởi kiến trúc nền tảng và được điều chỉnh bởi các chính sách và cơ chế do chủ sở hữu nền tảng đặt ra. Do đó, cung cấp tài nguyên ranh giới là hoạt động quản lý quyền riêng tư trong môi trường số. Về mặt kỹ thuật, các tài nguyên ranh giới, chẳng hạn như các giao diện lập trình ứng dụng API (Application Programming Interface) nền tảng và các bộ phát triển phần mềm SDK (Software Development Kit) hoạt động như các thiết bị quản trị.

Việc chuyển giao dữ liệu cá nhân và tương tác của nhà phát triển với người dùng cuối được thực hiện bằng cách thiết kế các tài nguyên ranh giới kỹ thuật. Hơn nữa, các nền tảng có thể cung cấp cho người dùng cuối các công cụ để theo dõi và quản lý thông tin cá nhân của họ cũng như kiểm soát các tương tác xã hội của họ trên nền tảng, đồng nghĩa với việc trao quyền kiểm soát quyền riêng tư cho người dùng và do đó làm giảm bớt những lo ngại về quyền riêng tư.

Đối với chính phủ, việc cung cấp tài nguyên ranh giới kỹ thuật có thể cho phép quy định quyền riêng tư theo quy trình và giám sát bảo vệ quyền riêng tư theo thời gian thực. Về mặt xã hội, các nền tảng điều phối và kiểm soát các tương tác thị trường giữa nhà phát triển và người dùng cuối thông qua thiết kế cơ chế và thiết lập chính sách. Một mặt, chính sách nền tảng chi phối việc nhà phát triển xử lý quyền riêng tư của người dùng cuối. Mặt khác, cơ chế thị trường cho phép chuyển giao và đền bù hợp lý cho dữ liệu cá nhân, từ đó định hình mô hình kinh doanh của các nhà phát triển. Việc triển khai các tài nguyên ranh giới quyết định tính khả thi tương tác giữa các bên liên quan của nền tảng dữ liệu lớn. Do đó, các tài nguyên ranh giới đóng vai trò là cấu trúc tiêu điểm giúp thống nhất các cuộc tranh luận về quản lý quyền riêng tư trong các nền tảng dữ liệu lớn.

3. Đề xuất định hướng giải pháp quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số

Thứ nhất, để triển khai các hoạt động quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số tại Việt Nam, cần phải có khung pháp lý hoàn thiện, trong đó việc tiên quyết cần thực hiện là hoàn thiện quy định khái niệm về quyền riêng tư và bảo vệ quyền riêng tư trong *Hiến pháp* và các văn bản luật. Bên cạnh các quy định về khái niệm, các nhà làm luật cũng cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số trong tất cả các bộ luật cơ bản và các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Hiện nay, pháp luật bảo vệ quyền riêng tư ở Việt Nam còn thiếu, các quy định bảo vệ con người khỏi sự xâm phạm về mặt tâm lý, cảm xúc cũng như các quy định về bảo vệ thông tin và dữ liệu cá nhân trên môi trường số hiện chỉ mang tính quy định chung, nguyên tắc và rất khó thực thi trong các tình huống pháp lý cụ thể. Do đó, cụ thể hóa các quy định, bao gồm quy định chi tiết cho từng lĩnh vực, phù hợp với đặc thù riêng của từng ngành là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn sắp tới. Trong nền kinh tế số, các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp sở hữu nền tảng cũng như các doanh nghiệp trong hệ sinh thái nền tảng, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền riêng tư, nhất là quyền riêng tư của khách hàng. Vì vậy, việc xây dựng văn bản pháp luật và Kế hoạch hành động quốc gia về doanh nghiệp và quyền riêng tư trong nền kinh tế số, trong đó nêu cao trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư khách hàng là việc làm cần thiết. Đồng thời, quan trọng không kém trong quá trình hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số là việc hoàn thiện quy định về chế tài bảo vệ quyền riêng tư. Các nhà làm luật cần xem xét tăng khung hình phạt hình sự, siết chặt thêm mức phạt hành chính và tiếp tục quy định cụ thể các hành vi vi phạm quyền riêng tư trong nền kinh tế số trong pháp luật.

Bên cạnh đó, cần quy định các hình phạt bổ sung đa dạng, phù hợp để nghiêm trị các hành vi xâm phạm quyền riêng tư của người khác, như: phạt tiền để đền bù thiệt hại gây ra cho người bị hại; cấm hành nghề vĩnh viễn hoặc có thời hạn đối với cá nhân vi phạm; tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động hoặc rút giấy phép kinh doanh đối với các doanh nghiệp, đơn vị vi phạm; công bố công khai nội dung vi phạm và hình thức xử phạt của các cá nhân, tổ chức vi phạm...

Thứ hai, ngoài hoàn thiện các quy định pháp lý, Nhà nước cũng cần áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý và bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số,

như: nâng cao năng lực của đại biểu Quốc hội, nâng cao chất lượng thảo luận, chất vấn tại các phiên họp Quốc hội, nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp xúc cử tri, đồng thời có những quy định tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức có sáng kiến pháp luật có thể tiếp cận nhằm đáp ứng nhu cầu hoàn thiện pháp luật theo hướng ngày càng phù hợp và đáp ứng thực tiễn. Chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ, công chức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cán bộ giỏi, nhất là những cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số.

Bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số liên quan đến rất nhiều cơ quan quản lý trong các lĩnh vực chuyên ngành, do đó, cần có quy định chặt chẽ về sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan này để tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm khi vi phạm xảy ra; chú trọng đầu tư, trang bị các phương tiện, thiết bị, công nghệ phù hợp đáp ứng yêu cầu công việc của các cơ quan, cán bộ tham gia quản lý, bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số; khen thưởng, tuyên dương các cá nhân, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có đóng góp quan trọng trong việc quản lý, bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số...

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số cần quan tâm đến các hoạt động hợp tác quốc tế. Hợp tác và đối thoại giữa các quốc gia cần đề cao nguyên tắc bình đẳng, xây dựng, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Hợp tác quốc tế về bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số vừa có thể giúp Việt Nam tiếp cận, học hỏi những cách thức xây dựng và thực hiện pháp luật hiệu quả của các quốc gia khác, đồng thời có thể tranh thủ được nguồn lực tài chính của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Mặt khác, tính chất có thể chia sẻ và chuyển giao xuyên biên giới của dữ liệu cá nhân cũng đòi hỏi sự hợp tác quốc tế ở các cấp độ khác nhau để Việt Nam có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ tư, song song với việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ

máy quản lý nhà nước về bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số, Nhà nước cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư nhằm nâng cao nhận thức xã hội và xây dựng văn hóa pháp lý về quyền riêng tư trong môi trường số.

Để làm được điều đó, Nhà nước cần nâng cao hiểu biết pháp luật của người dân thông qua nhiều hình thức tuyên truyền và giáo dục ở các cấp. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quyền riêng tư trong nền kinh tế số có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức, như: các buổi hội nghị, hội thảo phổ biến pháp luật tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, xã, phường, khu phố; khảo sát lấy ý kiến đóng góp, đánh giá của người dân, cán bộ, công chức và các chủ thể kinh doanh; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về quyền riêng tư trong môi trường số ở nhiều cấp độ khác nhau; xây dựng các chương trình, chuyên mục trên phương tiện thông tin đại chúng về phổ biến pháp luật; treo băng rôn, khẩu hiệu với các nội dung tuyên truyền ở các địa điểm công cộng... cần được triển khai một cách đồng bộ, thường xuyên và liên tục với các nội dung đơn giản, trọng tâm, phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau để từ đó, nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức, tạo tiền đề bảo đảm chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số.

4. Kết luận

Dựa trên việc nghiên cứu, phân tích tài liệu và phỏng vấn các chuyên gia kinh tế số, bài viết đã hệ thống hóa các khái niệm và xây dựng cơ sở lý luận về quyền riêng tư trong môi trường số. Trên cơ sở đó, bài viết đã làm rõ được vai trò của các yếu tố công cụ kỹ thuật, nền tảng trực tuyến, các hoạt động quản trị nền tảng và các chính sách quy định về quyền riêng tư đối với việc quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số, đồng thời đề xuất mô hình quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số theo quan điểm tài nguyên ranh giới. Nghiên cứu cũng đưa ra một số kiến nghị và giải pháp thực tiễn để quản lý quyền riêng tư

trong nền kinh tế số tại Việt Nam, như: hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền riêng tư trong môi trường số; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong quản lý quyền riêng tư trong nền kinh tế số; tăng cường hợp tác quốc tế trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền riêng tư; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng văn hóa pháp lý về bảo vệ quyền riêng tư trong nền kinh tế số Việt Nam □

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Vũ Văn Anh. *Kỳ vọng hợp lý về quyền riêng tư*. Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam. 11A (2022), tr. 20 - 22.
2. Hoàng Sỹ Tuong, Đỗ Quang Trung, Lục Như Quỳnh. *Xây dựng giải pháp bảo đảm tính bí mật và quyền riêng tư dựa trên Blockchain sử dụng công nghệ mật mã*. Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam. 03B (2023), tr. 1 - 6.
3. Frömming U. U., Köhn S., Fox S., Terry M. (2017), "Digital Environments and the Future of Ethnography: An Introduction". In U. U. Frömming, S. Köhn, S. Fox, & M. Terry (Eds.), *Digital Environments: Ethnographic Perspectives Across Global Online and Offline Spaces* (pp. 13 - 22). <http://www.jstor.org/stable/j.ctv1xxrxw.4>
4. Karahanna Elena, Xu Sean Xin, Xu Yan, Zhang Nan (2018), "The Needs-Affordances-Features Perspective for the Use of Social Media", *MIS Quarterly*, 42(3):737 - 756. <http://dx.doi.org/10.25300/MISQ/2018/11492>
5. Posner R. A. (1978), "The Right of Privacy", *Georgia Law Review*, Vol. 12, No. 3. p. 393 - 422.
6. Solove D. J. (2002), "Conceptualizing privacy", *California Law Review*, Vol. 90, No. 4. (2002) pp. 1132 - 1140. <https://doi.org/10.2307/3481326>
7. Wang Chong, Zhang Nan, Wang Cong (2021), "Managing privacy in the digital economy", *Fundamental Research*, Volume 1, Issue 5, September 2021, Pages 543 - 551. <http://dx.doi.org/10.1016/j.fmre.2021.08.009>
8. Warren S. D., Brandeis, L. D. (1890), "The Right to Privacy", *Harvard Law Review*, Vol. 4, No. 5, pp. 193 - 220. <https://doi.org/10.2307/1321160>
9. Zhang Nan, Wang Chong, Karahanna Elena, Xu Yan (2022), "Peer Privacy Concerns: Conceptualization and Measurement", *MIS Quarterly*, (46: 1) pp. 491 - 530. <http://dx.doi.org/10.25300/MISQ/2022/14861>